

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1141-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tên văn bằng	: Cử nhân Truyền thông đa phương tiện
Trình độ đào tạo	: Đại học
Tên CTĐT	: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện
Tên tiếng Anh	: BA program in Multimedia
Mã số	: 7320104
Thời gian đào tạo	: 4 năm
Khoa quản lý	: Viện Báo chí – Truyền thông



HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1141-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tên văn bằng	: Cử nhân Truyền thông đa phương tiện
Trình độ đào tạo	: Đại học
Tên CTĐT	: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện
Tên tiếng Anh	: BA program in Multimedia
Mã số	: 7320104
Thời gian đào tạo	: 4 năm
Khoa quản lý	: Viện Báo chí – Truyền thông

1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Viện Báo chí- Truyền thông

1.1. Sứ mạng

- *Sứ mạng của Học viện:* Nghiên cứu, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, tuyên truyền, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

- *Sứ mạng của Viện:* Viện Báo chí – Truyền thông thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

1.2. Tầm nhìn

- *Tầm nhìn của Học viện:*

- Là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục của Việt Nam trong các lĩnh vực lý luận chính trị, xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, tư tưởng – văn hóa, báo chí, tuyên truyền và truyền thông.
- Phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế; trung tâm nghiên cứu có tầm ảnh hưởng về lý luận chính trị, báo chí và truyền thông tại Đông Nam Á và châu Á.
- Phấn đấu đến năm 2045, Học viện trở thành trường đại học hàng đầu tại châu Á.

- *Tầm nhìn của Viện:* Viện Báo chí – Truyền thông thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực báo chí truyền thông. Viện không ngừng phấn đấu trở thành đơn vị có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới.

1.3. Giá trị cốt lõi

- *Giá trị cốt lõi của Học viện:*

Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.

Dân chủ: Là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.

Đổi mới: Là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện.

Sáng tạo: Là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

Chất lượng: Là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Học viện, hướng tới xây dựng văn hóa chất lượng.

Cống hiến: Là trách nhiệm, lý tưởng, lối sống của mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Học viện.

- *Giá trị cốt lõi của Viện:*

Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Viện.

Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Viện

Sáng tạo: là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện hiểu quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; hiểu và ứng dụng lý thuyết, kỹ năng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức:

PO1: Sinh viên hiểu một cách có hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

PO2: Sinh viên có kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành học

PO3: Sinh viên áp dụng được các kiến thức cơ bản về tin học phù hợp với ngành truyền thông đa phương tiện;

PO4: Sinh viên hiểu các kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí- truyền thông nói chung, truyền thông đa phương tiện nói riêng của Việt Nam và thế giới;

PO5: Sinh viên hiểu quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện và có thể áp dụng thành thạo vào việc sáng tạo các tác phẩm đáp ứng yêu cầu của ngành truyền thông đa phương tiện.

PO6: Sinh viên có thể đọc hiểu, giao tiếp tốt về mặt ngoại ngữ, đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí- truyền thông.

2.2.2. Kỹ năng:

PO7: Sinh viên có khả năng phát hiện, tìm kiếm đề tài và thu thập, thẩm định thông tin; thành thạo trong xây dựng kế hoạch đề tài, kịch bản và tổ chức thông tin;

PO8: Sinh viên sử dụng ở mức cơ bản những công nghệ mới trong hoạt động truyền thông đa phương tiện, sử dụng thành thạo máy quay phim, máy ảnh, máy ghi âm... và các phần mềm xử lý ảnh, dựng phim...; biết cách lựa chọn các phương tiện phù hợp để chuyển tải thông điệp hiệu quả;

PO9: Sinh viên có khả năng sáng tạo tác phẩm truyền thông đa phương tiện; có năng lực tác nghiệp linh hoạt với nhiều phương tiện khác nhau (máy ảnh, máy quay phim...) và bước đầu biết cách đánh giá kết quả hoạt động nghề nghiệp bằng các phương pháp định tính và định lượng;

P10: Sinh viên giao tiếp, thuyết trình, thảo luận tốt;

PO11: Khả năng ngoại ngữ của sinh viên đạt mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; sử dụng thành thạo ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

PO12: Sinh viên thành thạo về tin học và công nghệ, bao gồm: sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng và các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.

2.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

PO13: Sinh viên có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các môi trường cũng như điều kiện làm việc khác nhau;

PO14: Sinh viên có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm cũng như có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc;

PO15: Sinh viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của một nhà báo; có nhận thức và chủ động trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- *Các doanh nghiệp truyền thông:* có thể làm ở tất cả các bộ phận sáng tạo nội dung, sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện, nghiên cứu và ứng dụng sản phẩm truyền thông, phát triển sản phẩm, dự án truyền thông. Người được đào tạo ngành truyền thông đa phương tiện có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết để khởi nghiệp trong ngành truyền thông.

- Các cơ quan ứng dụng, cơ quan quản lý và tổ chức truyền thông, các tổ chức, doanh nghiệp là đối tác và khách hàng của doanh nghiệp truyền thông: bộ phận xây dựng kế hoạch, thiết kế, quảng cáo, tiếp thị, kinh doanh, phát hành...; nghiên cứu và phát triển, quản lý hình ảnh và thương hiệu, nhân viên quản lý các dự án truyền thông...

2.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể học tập ở trình độ cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ, ngành báo chí, truyền thông, và các ngành gần, ngành phù hợp khác

3. Căn cứ xây dựng chương trình

3.1. Căn cứ thực tiễn

3.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo trong nước:

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Chương trình đào tạo đại học ngành Truyền thông đa phương tiện hiện hành tại một số cơ sở đào tạo như: Học viện Công nghệ bưu chính Viễn thông, Đại học Đại Nam...

Chương trình đào tạo quốc tế:

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc)

- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ)

- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông số và truyền thông (ĐH Westminster)

3.1.2. Kết quả khảo sát

* Khảo sát nhu cầu xã hội

Tháng 10/2023, Viện Báo chí tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Truyền thông đa phương tiện. Đối tượng khảo sát: Phóng viên, lãnh đạo các cơ quan báo chí, công ty truyền thông; Giảng viên các trường/trung tâm đào tạo báo chí, số lượng: 30 người theo hình thức khảo sát: Hội thảo/toạ đàm/phỏng vấn.

Về nhu cầu nhân lực ngành truyền thông đa phương tiện: 100% người được khảo sát đều cho biết cơ quan có nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành Truyền thông đa phương tiện hàng năm. Các công ty truyền thông kinh doanh nội dung số cũng cần số lượng lớn nhân lực Truyền thông đa phương tiện.

- Khảo sát chất lượng đào tạo với đối tượng sinh viên ngành truyền thông đa phương tiện trước tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

3.2 Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH 14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội ban hành

Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29/04/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 Về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

STT	Nội dung
4.1.	Kiến thức
	<i>Kiến thức chung</i>
PLO 1	Mô tả và vận dụng được các nguyên lý cơ bản và thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng vào xem xét, giải thích, đánh giá hiện thực cách mạng Việt Nam và thế giới.
PLO 2	Vận dụng được các tri thức về khoa học chính trị, khoa học liên ngành (chính trị học, văn hóa học, đạo đức học, xã hội học, pháp luật, tâm lý học...); về thế giới trong quá khứ và hiện đại, về văn hóa, con người Việt Nam trong quá trình nhận thức và tiến hành hoạt động báo chí - truyền thông.
PLO 3	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp xã hội học, phương pháp tiếp cận truyền thông để điều tra, khảo sát, phân loại và lựa chọn các biện pháp tác động đến đối tượng của hoạt động truyền thông và quản lý hoạt động truyền thông.
PLO 4	Vận dụng được các lý thuyết về ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng nước ngoài và tin học trong quá trình nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm cũng như tác nghiệp các hoạt động truyền thông và quản lý các lĩnh vực truyền thông.
	<i>Kiến thức ngành</i>
PLO 5	Phân tích được bản chất, mục đích, các chức năng cơ bản của truyền thông đa phương tiện. Nêu được quy trình lao động tác nghiệp và những vấn đề cơ bản về nghề nghiệp; phân tích được các nguyên tắc hành nghề và ứng dụng được những yêu cầu này trong quá trình tác nghiệp truyền thông nói chung, truyền thông đa phương tiện nói riêng;
PLO 6	Phân biệt được các loại truyền thông đa phương tiện; xác định được chức năng và đặc điểm của các dạng truyền thông đa phương tiện; phân tích được quy trình, kỹ thuật công nghệ và phương pháp sáng tạo tác phẩm truyền thông đa phương tiện. Phân tích được bản chất, tính mục đích của hoạt động truyền thông, các nguyên tắc hành nghề và các chức năng cơ bản của truyền thông đa phương tiện; trình bày được quy trình lao động tác nghiệp và những vấn đề cơ bản về nghề nghiệp;
PLO 7	Vận dụng được vấn đề lý luận và thực tiễn vào sáng tạo truyền thông đa phương tiện: khái niệm, đặc điểm, phương thức sản xuất; phân tích được vai trò, yêu cầu, các thể loại, các nguyên tắc, phương pháp sáng tạo...
4.2.	Kỹ năng
	<i>Kỹ năng chung</i>

Kỳ 1 (17 TC)	Chọn 1 trong 2 HP: Tiếng Anh học phần 1 (4TC) Tiếng Trung học phần 1 (4TC)	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)	Chính trị học (2TC)	Lý thuyết truyền thông (3TC)	Media truyền thông đa phương tiện (1)	Tư pháp (3TC)	Giáo dục thể chất 1 (1TC)
Kỳ 2 (18 TC)	Chọn 1 trong 2 HP: Tiếng Anh học phần 2 (4TC) Tiếng Trung học phần 2 (4TC)	Pháp luật và Đạo đức BCTT (3TC)	Marketing (3TC)	Tin học (3TC)	Truyền thông và báo chí đối ngoại (2TC)	Pháp luật đại cương (3TC)	Giáo dục quốc phòng
Kỳ 3 (18 TC)	Chọn 1 trong 2 HP: Tiếng Anh học phần 3 (4TC) Tiếng Trung học phần 3 (4TC)	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)	Chọn 1 trong 6 HP: Quản trị BCTT (3TC); Thâm lý học BCTT (3TC); Truyền thông sáng tạo; Truyền thông XTI và MOOC; Thiết kế đồ họa (3TC)	Thiết kế đồ họa (3TC)	Viết cho truyền thông đa phương tiện (3TC)		Giáo dục thể chất 2 (1TC)
Kỳ 4 (18 TC)	Chọn 1 trong 2 HP: Tiếng Anh học phần 4 (3TC) Tiếng Trung học phần 4 (3TC)	Chọn 1 trong 9 HP: Cơ sở VIIVN (2TC), Đại chính trị thế giới (2TC), Tiếng Việt thực hành (2TC), Kinh tế học đại cương (2TC), Tâm lý học xã hội (2TC)	Quan hệ công chúng và Quảng cáo (3TC)	Sản xuất Podcast (3TC)	Sản xuất Video (3TC)		Giáo dục thể chất 3 (1TC)
Kỳ 5 (14 TC)	Lịch sử Đảng CSVN (2TC)	Xây dựng Đảng (2TC)	Quan hệ quốc tế (2TC)	Siêu phẩm số (3TC)	Tiếng Anh chuyên ngành TTDPI (5TC)	Xuất bản điện tử (2TC)	Giáo dục thể chất 4 (1TC)
Kỳ 6 (14 TC)	Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)	Kinh tế chính trị Mác Lê-nin (2TC)	Chọn 1 trong 5 HP: Animation (3TC), Phim ngắn (3TC), BCTT đa nền tảng (3TC), BC và TT số (3TC)	Quản trị kinh doanh và phẩm truyền thông số (3TC)	Thực tập nghiệp vụ (3TC)		
Kỳ 7 (17 TC)	Nghiệp vụ biên tập BCTT (2TC)	Định chương trình (3TC)	Video âm nhạc (3TC)	Xây dựng và quản trị thương hiệu (3TC)	Chọn 1 trong 4 HP: Lao động nhà báo (3TC), Bản quyền và Sở hữu trí tuệ (3TC), Nghiên cứu thị trường truyền thông (3TC), Tổ chức và ATTT (3TC)	Công chứng BCTT (3TC)	
Kỳ 8 (10 TC)		Khóa luận/bài 2 HP thay thế KL: Tổ chức SX SP TTDPI (3TC); Biên tập SP DPT (3TC)			Thực tập tối nghiệp (4TC)		
Kiến thức giáo dục đại cương Kiến thức cơ sở ngành Kiến thức chuyên ngành Kiến thức bổ trợ Khóa luận và học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp							

9. Nội dung chương trình

9.1. Các khối kiến thức (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

Khối kiến thức giáo dục đại cương	44
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	86
- Kiến thức cơ sở ngành	19
<i>Bắt buộc:</i>	13
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	56
<i>Bắt buộc:</i>	47
Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp	7
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	9/30
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	8
<i>Tự chọn:</i>	3/12

9.2. Nội dung chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			44										
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	1,5	1	0,5	12,5	10	25	0	5	22,5	
2	KT01011	Kinh tế chính trị	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	0	0	7,5	11,25	

[illegible]

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	2	1.5	0.25	0.25	12.5	10	0	2.5	5	11.25	
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	7,5	0	0	11,25	
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	0	0	7,5	11,25	
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2	1.5	0.25	0.25	12.5	10	2.5	0	5	11.25	
18	XH01001	Xã hội học đại cương	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	5	0	2,5	11,25	

[illegible]

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
chuyên nghiệp													
B1. Kiến thức cơ sở ngành			19										
Bắt buộc			13										
27	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	1.5	1	0.5	12.5	10	5	0	25	22.5	
28	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	7.5	0	30	11.25	NP01001
29	XB02626	Nghệ vụ biên tập BCTT	2	0,5	1,25	0,25	6,5	1	28,5	0	9	11.25	
30	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	27.5	11,25	
31	QT01001	Quan hệ quốc tế	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5	0	5	11.25	
Tự chọn			6/18										
32	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	3	1	1,5	0,5	10	5	10	0	35	22.5	
33	BC02803	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3	1.5	1.5	0	22.5	0	10	0	35	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
34	BC02905	Truyền thông sáng tạo	3	1.5	1	0.5	12.5	10	5	0	25	22.5	
35	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	1,5	1,25	0,25	15	7,5	15	0	22,5	11.25	
36	BC02602	Mỹ thuật	3	0,5	2,5	0	7.5	0	40	0	35	0	
36	BC02952	Thực tế chính trị - xã hội	2	0.5	1.5	0	15	0	0	0	60	0	
B2. Kiến thức ngành			43										
Bắt buộc			37										
37	BC02701	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	3	1	1,5	0,5	10	5	10	0	35	22.5	
38	BC03101	Truyền thông hình ảnh	3	1.5	1.0	0.5	22.5	0	0	15	15	22.5	
39	BC02603	Thiết kế đồ hoạ	3	1.5	1.25	0.25	15	12.5	0	0	37.5	11.25	
40	PT02601	Sản xuất Podcast	3	1	1,75	0,25	10	5	10	10	32,5	11,25	
41	PT02602	Sản xuất Video	3	0,5	2,5	0	15	0	47	13	0	0	
42	BC02604	Viết cho truyền thông đa phương	3	1	1,5	0,5	10	5	10	0	35	22.5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		tiện											
43	PT03135	Dẫn chương trình	3	1	1.75	0.25	10	5	5	15	32.5	22.5	
44	XB02610	Xuất bản điện tử	2	0,5	1,25	0,25	7,5	0	33	0	5	11.25	
45	BC02115	Công chúng báo chí truyền thông	3	1.5	1	0.5	18	5	12.5	0	10	22.5	
46	QT02401	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2	1	0,75	0,25	10	5	13	0	10	11.25	
47	QQ03201	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	1,5	1,25	0,25	22,5	5	10	0	32,5	11.25	
48	BC03703	Video Âm nhạc (MV)	3	1	2	0	15	0	47	13	0	0	
49	PT03702	Mega- story (siêu phẩm số)	3	1	1.5	0.5	10	5	10	0	35	22.5	
Tự chọn			6/15										
50	BC03701	Animation (Hoạt hình)	3	0,5	2,5	0	7.5	0	50	25	0	0	
51	PT03706	Phim ngắn	3	1	1.75	0.25	15	0	15	10	27.5	11.25	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
52	BC03918	Báo chí - truyền thông đa nền tảng	3	1	1,5	0,5	10	5	10	0	35	22.5	
53	BC02601	Thiết kế web và ứng dụng	3	1	1.75	0.25	10	5	0	20	32.5	11.25	
54	BC04872	Báo chí và truyền thông dữ liệu	3	1	1.5	0.5	10	5	10	0	35	22.5	
B3. Kiến thức bổ trợ			11										
Bắt buộc			8										
56	BC02609	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện	5	2	2	1	20	10	40	0	20	45	
57	BC03753	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	3	1,5	1	0,5	22,5	0	10	0	20	22.5	
Tự chọn			3/12										
58	BC03802	Lao động nhà báo	3	1.5	1	0.5	22.5	0	15	0	30	22.5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
59	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	3	1	2	0	10	5	15	5	40	0	
60	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền thông	3	1,5	1	0,5	22,5	0	10	0	25	22.5	
61	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	3	1.25	1.25	0.5	15	5	15	0	25	22.5	
B4. Thực tế, thực tập và khóa luận			13										
62	BC03643	Thực tập nghiệp vụ	3	0.5	2.25	0.25	7.5	0	0	0	67.5	11.25	
63	BC03644	Thực tập tốt nghiệp	4	0	3.5	0.5	0	0	0	0	105	22.5	
64	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	6	1	4.5	0.5	15	0	0	0	135	22.5	
Học phần thay thế khóa luận			6										
65	BC03203	Tổ chức sản xuất sản phẩm đa phương tiện	3	1,5	1,25	0.25	15	7,5	5	0	32.5	11.25	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
66	BC03705	Biên tập sản phẩm đa phương tiện	3	1	1,5	0,5	10	5	10	0	35	22.5	

10. Ma trận liên kết giữa các học phần với PLO của CTĐT

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Triết học Mác-Lênin	H5							M3							H4
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	H5							M3							H4
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H5							M3							H4
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H5							M3							H4
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H5							M3							H4
6	Pháp luật đại cương		H5						H4							H4
7	Chính trị học đại cương		H5						M3							H4
8	Xây dựng Đảng		H5						M3							H4
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn			H5					H4					M3		
10	Xã hội học đại cương			H5					H4					M3		
11	Địa chính trị thế giới		H5		M3				M3					M3		
12	Tiếng Việt thực hành				H5				H4					M3		

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam			H5					M3					M3		
14	Các loại hình báo chí – truyền thông			H5			M3		M3					M3		
15	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo			H5			M3		H4					M3		
16	Tâm lý học dạy học ĐH		H5						H4					M3		
18	Tin học ứng dụng				H5				L2					M3		
19	Tiếng Anh học phần 1				H5				M3					M3		
20	Tiếng Anh học phần 2				H5				M3					M3		
21	Tiếng Anh học phần 3				H5				M3					M3		
22	Tiếng Anh học phần 4				H5				M3					M3		
23	Tiếng Trung học phần 1				H5				M3					M3		
24	Tiếng Trung học phần 2				H5				M3					M3		
25	Tiếng Trung học phần 3				H5				M3					M3		
26	Tiếng Trung học phần 4				H5				M3					M3		
27	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông					H5			H4		H4			H4	M3	M3
28	Quan hệ công chúng và quảng cáo					H5			H4	H4	H4			H4	M3	M3
29	Nghiệp vụ biên tập báo chí truyền thông					H5			M3		H4			H4	M3	M3
30	Lý thuyết truyền thông					H5	M3		H4	H4				H4	M3	M3
31	Quan hệ quốc tế				M3	H5			M3	H4				H4	M3	M3
32	Quản trị báo chí - truyền thông				M3	H5			M3	H4				H4	M3	M3
33	Tâm lý học báo chí – truyền thông		M3			H5			H4	H4				H4	M3	M3
34	Truyền thông sáng tạo					H5			H4	H4				H4	M3	M3

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
35	Truyền thông xã hội và mạng xã hội					H5			H4	H4				H4	M3	M3
36	Mỹ thuật					H5			M3	H4				H4	M3	M3
37	Thực tế chính trị - xã hội					H4			H4					H4	M3	M3
38	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện						H5		H4			H4		H4	H4	M3
39	Truyền thông hình ảnh						H5		H4			H4		H4	H4	M3
40	Thiết kế đồ họa						H5		H4			H4		H4	H4	M3
41	Sản xuất Podcast						H5		H4			H4		H4	H4	M3
42	Sản xuất Video						H5		H4			H4		H4	H4	M3
43	Viết cho truyền thông đa phương tiện						H5		H4			H4		H4	H4	M3
44	Dẫn chương trình				H4				H4					H4	M3	M3
45	Xuất bản điện tử				M3				M3					H4	M3	M3
46	Xây dựng và quản trị thương hiệu				M3				H4	H4				H4	M3	M3
47	Công chúng báo chí - truyền thông						H5		H4	H4	H4			H4	M3	M3
48	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại				M3		H5		H4	H4				H4	M3	M3
49	Video Âm nhạc (MV)						H5		H4			H4		H4	H4	M3
50	Megastory (siêu phẩm số)						H5		H4			H4		H4	H4	M3
51	Animation (Hoạt hình)						H5		H4			H4		H4	H4	M3
52	Phim ngắn						H5		H4			H4		H4	H4	M3
53	Báo chí - truyền thông đa nền tảng						H5		H4			H4		H4	H4	M3
54	Thiết kế web và ứng dụng						H5		H4			H4		H4	H4	M3
55	Báo chí - truyền thông dữ liệu						H5		H4			H4		H4	H4	M3
56	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện				M3		H5		M3	H4			H4	H4	H4	H4

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
57	Kinh doanh sản phẩm truyền thông						H5		H4			H4		H4	H4	M3
58	Lao động nhà báo						H5		H4			H4		H4	H4	M3
59	Bản quyền và sở hữu trí tuệ							H5	H4				H4	H4	H4	H4
60	Nghiên cứu thị trường truyền thông							H5	H4				H4	H4	H4	H4
61	Tổ chức và an toàn thông tin							H5	H4				H4	H4	H4	H4
62	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)				H5	M4	M4	H5	H4			H4		H4	H4	M3
63	Thực tập tốt nghiệp (năm 4)				H5			H5	H4				H4	H4	H4	H4
64	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp						H5	H5	H4				H4	H4	H4	H4
65	Tổ chức sản xuất sản phẩm đa phương tiện						H5	H5	H4				H4	H4	H4	H4
66	Biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện						H5	H5	H4				H4	H4	H4	H4

Lưu ý:

CĐR kiến thức: L1, L2; M3, M4; H5, H6

CĐR kỹ năng: L1, L2; M3; H4, H5

CĐR mức độ tự chủ và trách nhiệm: L1, L2; M3; H4, H5

Trong đó: L là mức thấp; M là mức trung bình; H là mức cao

11. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin		x						
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin						x		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
3	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x							
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam					x			
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh			x					
6	NP01001	Pháp luật đại cương		x						
7	CT01001	Chính trị học đại cương	x							
8	XD01001	Xây dựng Đảng					x			
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn						x		
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam				x				
11	PT02501	Các loại hình báo chí – truyền thông				x				
12	QT02560	Địa chính trị thế giới				x				
13	TG01025	Tâm lý học dạy học ĐH				x				
14	TG01007	Tâm lý học xã hội				x				
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành				x				
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo				x				
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện				x				
18	XH01001	Xã hội học đại cương				x				
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	x							
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	x							
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2		x						
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3			x					
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4				x				
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	x							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2		x						
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3			x					
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4				x				
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	x							
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông		x	x					
30	XB02626	Nghệp vụ biên tập BCTT							x	
31	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo				x				
32	QT01001	Quan hệ quốc tế					x			
33	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông			x					
34	BC02803	Tâm lý học báo chí – truyền thông			x					
	BC02905	Truyền thông sáng tạo			x					
35	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội			x					
36	BC02602	Mỹ thuật			x					
37	BC02952	Thực tế chính trị - xã hội			x					
38	BC02701	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	x							
39	BC03101	Truyền thông hình ảnh		x						
40	BC02603	Thiết kế đồ họa			x					
41	PT02601	Sản xuất Podcast				x				
42	PT02602	Sản xuất Video				x				
43	BC02604	Viết cho truyền thông đa phương tiện			x					
44	PT03135	Dẫn chương trình							x	
45	XB02610	Xuất bản điện tử					x			
46	BC02115	Công chúng báo chí truyền thông							x	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
47	QT02401	Truyền thông và báo chí đối ngoại		x						
48	QQ03201	Xây dựng và quản trị thương hiệu							x	
49	BC03703	Video Âm nhạc (MV)							x	
50	PT03702	Mega-story					x			
51	BC03701	Animation (Hoạt hình)						x		
52	PT03706	Phim ngắn						x		
53	BC03918	Báo chí - truyền thông đa nền tảng						x		
54	BC02601	Thiết kế web và ứng dụng						x		
55	BC04872	Báo chí - truyền thông dữ liệu						x		
56	BC02609	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện					x			
57	BC03753	Kinh doanh sản phẩm truyền thông						x		
58	BC03802	Lao động nhà báo							x	
59	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ							x	
60	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền thông							x	
61	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin							x	
62	BC03643	Thực tập nghiệp vụ						x		
63	BC03644	Thực tập tốt nghiệp								x
64	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp								x
65	BC03203	Tổ chức sản xuất sản phẩm đa phương tiện								x
66	BC03705	Biên tập sản phẩm đa phương tiện								x

12. Phương pháp giảng dạy

TT	Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Giảng lý thuyết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
3	Nghiên cứu trường hợp					x	x	x		x	x	x	x		x	
4	Dạy học thông qua vấn đề, tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x
5	Dạy học thông qua làm dự án					x	x	x	x	x	x	x			x	x
6	Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đóng vai, mô phỏng					x	x	x		x	x	x	x		x	x
8	Làm thí nghiệm/bài tập thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

13. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nghe giảng, ghi nhớ chủ động	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Nghiên cứu trường hợp					x	x	x		x	x	x	x		x	
4	Học thông qua vấn đề, tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x
5	Học thông qua làm dự án					x	x	x	x	x	x	x			x	x
6	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đóng vai, mô phỏng					x	x	x		x	x	x	x		x	x
8	Làm thí nghiệm, bài tập thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

14. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TT	Tên học phần	Trực tiếp	Trực tuyến (tối đa 30%)	Hình thức khác
----	--------------	-----------	-------------------------	----------------

[illegible]

[illegible]

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	học phần 4																	
27.	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	x				x	x			x				x	x			
28.	Nghịệp vụ biên tập báo chí – truyền thông							x								x		
29.	Quan hệ công chúng và quảng cáo								x								X	
30.	Lý thuyết truyền thông						x	x	x						x	x	X	
31.	Quan hệ quốc tế	x						x		x						x		
32.	Quản trị báo chí - truyền thông	x				x	x			X				x	x			

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
33.	Tâm lý học báo chí – truyền thông	x				x	x			X				x	x			
34.	Truyền thông sáng tạo	x				x	x			X				x	x			
35.	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	x				x	x			X				x	x			
36.	Mỹ thuật						x	x	x						x	x	X	
37.	Thực tế chính trị - xã hội						x								x			
38.	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	x				x	x			X				x	x			
39.	Truyền thông hình ảnh						x	x	x						x	x	X	
40.	Thiết kế đồ hoạ						x	x	x						x	x	X	

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
41.	Sản xuất Podcast						x	x	x						x	x	X	
42.	Sản xuất Video						x	x	x						x	x	X	
43.	Viết cho truyền thông đa phương tiện						x	x	x						x	x	X	
44.	Dẫn chương trình						x	x	x						x	x	X	
45.	Xuất bản điện tử	x								X								
46.	Công chúng báo chí truyền thông	x				x	x			X				x	x			
47.	Truyền thông và báo chí đối ngoại							x								x		
48.	Xây dựng và	x					x			x					x			

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	quản trị thương hiệu																	
49.	Video Âm nhạc (MV)						x	x	x						x	x	X	
50.	Siêu phẩm số						x	x	x						x	x	X	
51.	Animation (Hoạt hình)						x	x	x						x	x	X	
52.	Phim ngắn						x	x	x						x	x	X	
53.	Báo chí - truyền thông đa nền tảng						x	x	x						x	x	X	
54.	Thiết kế web và ứng dụng						x	x	x						x	x	X	
55.	Báo chí và truyền thông dữ liệu						x	x	x						x	x	X	
56.	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông						x	x	x						x	x	X	

[illegible]

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	nghiệp																	
65.	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp						x	x	x						x	x	X	
66.	Tổ chức sản xuất sản phẩm đa phương tiện						x	x	x						x	x	X	
67.	Biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện						x	x	x						x	x	X	

15. Điều kiện đội ngũ

15.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Đinh Thị Thu Hằng	10/11/1978	Báo chí		x	x		

2	Đinh Mạnh Cường	16/02/1987	Báo chí				x	
3	Nguyễn Văn Hào	15/05/1985	Báo chí				x	
4	Bùi Đức Anh Linh	05/10/1987	Báo chí				x	
5	Phạm Thị Mai Liên	03/11/1991	Báo chí				x	
6	Lương Đông Sơn	17/11/1991	Báo chí				x	
7	Nguyễn Thị Hằng Thu	25/6/1984	Báo chí			x		
8	Nguyễn Thị Thu	17/9/1990	Báo chí				x	
9	Nguyễn Thị Thu Trà	08/08/1990	Báo chí				x	
10	Trương Thị Hoài Trâm	04/04/1985	Báo chí				x	

15.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Trần Thị Thanh Hồng	1981	Điện ảnh			X		
2	Dương Thị Lan Hương	1977	Điện ảnh					x
3	Trần Quang Diệu	1978	Khoa học máy tính		x	x		
4	Nguyễn Đình Huy	1988	Điện ảnh				x	
5	Nguyễn Thành Lợi	1974	Truyền thông		x	x		
6	Vũ Văn Luật	2019	Tài chính			x		
7	Trần Thị Hoàng Ngân	1989	Mỹ thuật				x	
8	Cao Minh Thắng	1981	Kỹ thuật điện tử			X		
9	Nguyễn Hoàng Thảo	1990	Quan hệ công chúng				x	
10	Đỗ Phương Trang	1991	Báo chí					x

16.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1
2	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh.	2
4	Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh	- Bộ trộn tín hiệu. - Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	1
5	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera).	1

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
		- Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	
6	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu. - Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	1
7	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu.	1

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
		- Máy in khổ A3.	
8	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10	Phòng thực hành Báo mạng điện tử	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	1
11	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362

1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	3.709
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

16.2. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: <http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace>.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.097 tài liệu, trong đó 1.996 tài liệu in, 1131 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	36.251 tài liệu, trong đó: 27.132 tài liệu in; 9,119 tài liệu số.

16.3. Thống kê giáo trình, bài giảng (tổng hợp từ sách và giáo trình ở đề cương chi tiết học phần): thống kê số lượng và phân loại: số giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, đề cương bài giảng...

TT	Loại tài liệu	Số lượng
1	Giáo trình	60
2	Sách chuyên khảo	70
3	Sách tham khảo	70
4	Đề cương bài giảng	10

17. Một số lưu ý về thực hiện chương trình

- Thời gian bắt đầu thực hiện chương trình từ khóa 44 (2024-2028).
- Sinh viên được học tích lũy trước 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ.
- Sinh viên được xét tuyển học song bằng khi tích lũy đủ 30 tín chỉ trong CTĐT ngành thứ nhất
- Xác định các học phần tương đương với các học phần được điều chỉnh về nội dung, tên gọi, số tín chỉ hoặc các học phần thay thế cho học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình mới.
 - + Sinh viên sử dụng môn học thay thế tương đương với các học phần tự chọn trong chương trình khung
 - + Môn học cũ nhưng nay tăng số tín chỉ thì phải học môn học đó với số tín chỉ mới
 - + Môn học được gộp với số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới thì phải học môn học thay thế trong chương trình khung
 - + Đối với những sinh viên học lại, học song bằng, nếu không tổ chức được lớp cho những môn học bắt buộc trong chương trình cũ có thể học các học phần tương đương hoặc thay thế, cụ thể như sau:

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)			Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)		
	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	QT03629	Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế	3	PT03702	Megastory	3
2	BC02614	Quản trị truyền thông trong khủng	3	BC03203	Tổ chức sản phẩm truyền thông đa	3

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)			Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)		
	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		hoảng			phương tiện	
3	QQ02642	Truyền thông doanh nghiệp	3	QQ02610	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3
4	BC02605	Truyền thông chính sách	3	BC3918	BCTT đa nền tảng	3
5	XB03939	Xuất bản điện tử	3	BC04812	Báo chí và truyền thông dữ liệu	3
6	BC02607	Truyền thông về khoa học giáo dục và công nghệ	3	BC03804	Lao động nhà báo	3
7	PT03928	Chương trình thực tế	3	PT03135	Dẫn chương trình	3
8	PT03702	Kịch bản và format trò chơi trực tuyến	3	BC02603	Thiết kế đồ họa	3
9	BC02611	Quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số	3	BC03753	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	3
10	BC03710	Nhiếp ảnh	3	BC03101	Truyền thông hình ảnh	3
11	BC03840	Thực tế CTXH	2	PT02501	Các loại hình báo chí – truyền thông	2
				BC03840	Hoặc Thực tế CTXH	3

18. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
Mục tiêu đào tạo	Giữ nguyên	Giữ nguyên	
Chuẩn đầu ra	27 chuẩn đầu ra	15 chuẩn đầu ra	Rút gọn các chuẩn đầu ra trên cơ sở tích hợp các chuẩn đầu ra theo khối kiến thức và nhóm kỹ năng.

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
<i>Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia</i>	Có	Có	Cập nhật điều chỉnh theo chương trình mới với 06 Mục tiêu về kiến thức, 06 mục tiêu về kỹ năng, 03 mục tiêu về mức độ tự chủ, trách nhiệm và 07 PLO Kiến thức, 05 PLO Kỹ năng, 03 PLO năng lực tự chủ, trách nhiệm.
<i>Tiêu chí tuyển sinh</i>	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện	Giữ nguyên
<i>Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp</i>	Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện	Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện	Giữ nguyên
<i>Sơ đồ cây chương trình đào tạo</i>	Có	Bổ sung, cập nhật	Được điều chỉnh theo sự điều chỉnh cơ cấu học phần và trình tự tổ chức dạy học

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
Nội dung chương trình	- Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ	Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ nhưng có điều chỉnh các khối kiến thức và các học phần mới được bổ sung.	- Giữ nguyên tổng số tín chỉ toàn khóa và tổng số tín chỉ của khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; điều chỉnh, bổ sung một số môn học mới như <i>Các loại hình báo chí - truyền thông, PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo, Dân chương trình, Nghiệp vụ biên tập báo chí – truyền thông, Xuất bản điện tử, Xây dựng và quản trị thương hiệu...</i> - Điều chỉnh, phân bổ lại số giờ tín chỉ lý thuyết, thực hành, tự học của một số học phần, như môn <i>Thực tế chính trị xã hội</i> tăng từ 2 lên 3 tín chỉ.
Ma trận liên kết giữa các học phần với PLO của CTĐT	Có	Có điều chỉnh	Điều chỉnh cách đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo mức độ 1,2,3,4,5,6 tương ứng của từng bậc: L (thấp), M (trung bình) và H (cao), mang tính phân loại cao hơn giữa các học phần.
Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	Có	Có điều chỉnh	Sắp xếp lại thứ tự các học phần theo logic nhận thức của người học và theo trình tự tiên quyết các khối kiến thức, nhóm kỹ năng.
Phương pháp giảng dạy	Có	Bổ sung, cập nhật	Thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
<i>Phương pháp học tập</i>	Có	Bổ sung, cập nhật	Thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
<i>Hình thức đánh giá</i>	Có	Có	Cập nhật theo chương trình mới, điều chỉnh tỉ lệ các hình thức kiểm tra, đánh giá trong một học phần. Thay đổi từ tỉ lệ 10%-30%-60% thành 20%-30% và 50%. Bổ sung thêm các hình thức đánh giá đa dạng hơn, cả trực tiếp. và trực tuyến cho tất cả các môn.
<i>Hướng dẫn thực hiện chương trình</i>	Có	Có	Được cụ thể hóa thêm về các học phần thay thế, học phần tương đương do điều chỉnh chương trình, quy định thêm về số tín chỉ được học vượt để tích lũy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng ngành.
<i>Điều kiện đội ngũ</i>	Có	Có	Bổ sung, cập nhật đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng theo tình hình đội ngũ hiện thời.
<i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT</i>	Có	Có	Cập nhật theo điều kiện hiện có, bao gồm Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, thống kê về học liệu có trong Thư viện, thống kê giáo trình, bài giảng.

19. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, có thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng; có kỹ năng vận dụng tri thức, phương pháp luận vào nhận định vấn đề thực tiễn; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tích cực tham gia vào các hoạt động học tập cũng như mong muốn truyền bá tri thức môn học.
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cốt lõi về kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới; Có kỹ năng tư duy, kỹ năng vận dụng lý luận kinh tế để phân tích các quan hệ kinh tế; Có ý thức trách nhiệm phù hợp khi tham gia hệ thống kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp đại học.
3	CN01001	CNXHKH	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những tri thức của CNXHKH; hiểu được các quy luật và các tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình ra đời, phát triển hình thái kinh tế - xã hội XHCN – CSCN. Bước đầu có kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá các vấn đề chính trị xã hội. Từ những hiểu biết đó, sinh viên có thái độ tin tưởng, ủng hộ cũng như tích cực, tự giác trong hành động thực tiễn nhằm góp phần thực hiện thành công cách mạng XHCN – con đường mà Đảng và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng từ năm 1930 đến nay. Có nhận thức đúng đắn, khách quan về thực tiễn lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của sinh viên vào con đường cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng qua các giai đoạn cách mạng. Có kỹ năng phân tích, vận dụng các quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh và đánh giá sự kiện chính trị-xã hội theo hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc được vai trò, giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với những thắng lợi của cách mạng Việt Nam và công cuộc đổi mới hiện nay.
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	Sau khi kết thúc môn học, sinh viên nhận thức rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, về phòng, chống tham nhũng; có kiến thức tổng hợp về nhà nước và pháp luật Việt Nam; đánh giá được mô hình tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay; phát hiện những vấn đề chưa hoàn thiện của pháp luật Việt Nam với thực tiễn; có thể đề xuất được một số biện pháp cơ bản nhằm xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên cơ sở đó nâng cao nhận thức của sinh viên về nhà nước và pháp luật; hình thành ý thức tôn trọng và đấu tranh kiên quyết với hành vi vi phạm pháp luật.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản tập trung vào những nội dung cốt lõi của chính trị học bao gồm: các tư tưởng chính trị, quyền lực và quyền lực chính trị, các thể chế chính trị từ đó hình thành kỹ năng, thái độ và quan điểm đúng đắn, khách quan để định hướng hành vi cho người học trước những sự kiện, hiện tượng, vấn đề chính trị thực tiễn
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ ghi nhớ được các tư tưởng, quan điểm của Mác-Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về các vấn đề cơ bản về Xây dựng Đảng; vận dụng, phân tích, đánh giá được những vấn đề đó để liên hệ và giải quyết những vấn đề thực tiễn về xây dựng Đảng, công tác đảng đặt ra. Học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tổ chức cuộc họp, phân tích và phản biện các vấn đề về xây dựng Đảng, nâng cao năng lực và trình độ nhận thức, củng cố niềm tin, tích cực tham gia xây dựng và thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng tổ chức đảng, phấn đấu trở thành đảng viên, đứng trong hàng ngũ của Đảng.
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các phương pháp cơ bản về nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, hướng tới hình thành năng lực và phẩm chất cơ bản cho người học về nghiên cứu khoa học.
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên có điều kiện nâng cao hiểu biết chuyên sâu về văn hóa Việt Nam, có kỹ năng gìn giữ, xây dựng và

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có những kiến thức chung về các loại hình báo chí – truyền thông: khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, thế mạnh, kỹ năng sáng tạo một số loại hình báo chí - truyền thông ở mức cơ bản; những kiến thức này làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	2	Sau khi học xong môn học, sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản về địa chính trị thế giới: khái niệm, các quan điểm địa-chính trị, đặc điểm địa - trị thế giới; Hiểu rõ các đặc điểm địa –chính trị ở các châu lục, khu vực. Hiểu rõ sự tác động của các đặc điểm địa-chính trị đến quan hệ quốc tế; sự tác động qua lại giữa yếu tố địa lý và chính trị đối với sự phát triển của quốc gia, khu vực. Có khả năng tiếp cận và giải thích các sự kiện và diễn biến chính trị dựa trên nền của các yếu tố địa lý, hình thành khả năng phân tích, đánh giá các sự kiện, vấn đề quốc tế, ở các khía cạnh khác nhau làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có tri thức tâm lý cơ bản để tiến hành tổ chức, thực hiện hoạt động dạy học có hiệu quả. Đồng thời hình thành tình cảm nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong rèn luyện, tu dưỡng nhân cách để trở thành giảng viên giỏi trong tương lai.
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học nói chung và Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội. Đồng thời củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ - tiếng Việt nói chung và kỹ năng nói/ viết tiếng Việt trong lĩnh vực báo chí truyền thông, xuất bản và lý luận chính trị nói chung và trong từng chuyên ngành nói riêng; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng khai thác vốn từ vựng tiếng Việt trong giao tiếp và công việc, kỹ năng sử dụng sáng tạo ngôn ngữ/ văn bản; thái độ, tình cảm quý trọng đối với tiếng nói, ngôn ngữ quốc gia.
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể có những kiến thức chung về quan hệ công chúng, các phương tiện truyền thông; cách sử dụng các phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động quan hệ công chúng. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về mối quan hệ giữa quan hệ công chúng với các phương tiện truyền thông sáng tạo. Môn học được xây dựng để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu các môn chuyên ngành.
17	XH01001	Xã hội học đại cương	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể có những kiến thức chung về bộ môn xã hội học: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, hệ thống khái niệm, phương pháp nghiên cứu. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về môn học xã hội học làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.
18	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	Khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có những hiểu biết về Công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu. Sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể.
19	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2/6, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				A2- Khung CEFR). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở bậc sơ cấp dùng trong giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, nhà cửa, học tập, hoài bão, kế hoạch tương lai, đồ ăn, du lịch.
20	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2 cao và bậc 3 thấp, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tương ứng với mức A2+, B1- Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR). Theo đó, sinh viên có cơ hội học và phát triển toàn diện 4 kỹ năng. Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày; có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, sức khỏe, giải trí; công nghệ, trải nghiệm, có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.
21	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 3/6, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cơ bản để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như nét nhận diện bản thân, sự thành công, làm việc cùng nhau, thói quen hàng ngày, nghệ thuật và quê quán.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
22	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh ở trình độ bậc 4/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân, có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ, có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
23	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc sơ cấp thấp tương đương với HSK1 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, nắm được cách viết chữ Hán, các quy tắc ngữ pháp, từ vựng cũng như có kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ sơ cấp thấp để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề rất quen thuộc như bản thân, gia đình, thời gian, nơi chốn, trường học, mua bán.
24	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung HSK 2 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)), tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên nắm chắc được phần ngữ âm, cách viết chữ Hán, kiến thức ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cơ bản để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như thời gian, công việc,

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				sở thích, học tập, hỏi đường
25	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 3, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK3 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ đầu trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau, có khả năng diễn đạt quan điểm về một số chủ đề trong học tập và cuộc sống như thời tiết, du lịch, sở thích.
26	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 4, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK4 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề trong cuộc sống như đi du lịch, làm việc với công an, phong tục tập quán của người Trung Quốc...
27	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản và có hệ thống về pháp luật báo chí, truyền thông và đạo đức nghề nghiệp; sinh viên sau khi học xong học phần này có thái độ tôn trọng pháp luật và các quy định về đạo đức nghề nghiệp; học phần cũng đòi hỏi sinh viên phải xây dựng được năng lực tư duy pháp lý, phân tích được sự kiện pháp lý trong hoạt động nghiệp vụ; rèn luyện cho sinh viên ý thức, thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
28	XB02601	Nghiệp vụ biên tập báo chí truyền thông	2	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ biên tập. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để biên tập các loại hình, sản phẩm của báo chí truyền thông. Đồng thời, học phần sẽ hình thành cho sinh viên năng lực tư duy phân tích, tổng hợp và tinh thần hợp tác nhóm, định hướng công việc chuyên môn.
29	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được cơ sở lý luận, các mô hình truyền thông được sử dụng trong hai lĩnh vực này, phân biệt được các hoạt động quan hệ công chúng và các loại hình quảng cáo...; hình thành được kỹ năng phân tích và đánh giá một số hoạt động quan hệ công chúng, quảng cáo như: quan hệ với báo chí, chiến dịch quan hệ công chúng và quảng cáo,...; từ đó có thái độ đúng đắn, khách quan, khoa học khi tham gia nghiên cứu và thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng và quảng cáo.
30	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được lý thuyết cơ bản về truyền thông, bao gồm: khái niệm, lịch sử phát triển, các mô hình, môi trường truyền thông; cách ứng dụng một số lý thuyết truyền thông; đặc trưng, phân loại và cách thức sử dụng của các kênh truyền thông cá nhân, nhóm và đại chúng; xác định được các bước của một chu trình truyền thông, xây dựng được kế hoạch, giám sát, đánh giá và phân tích hoạt động truyền thông; có thái độ tích cực, đúng đắn trong tham gia thực hiện các chiến dịch, chương trình truyền thông.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
30	QT02001	Quan hệ quốc tế	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế, có kỹ năng phân tích, đánh giá được một số nội dung cốt lõi có liên quan đến quan hệ quốc tế; có nhận thức đúng đắn về một số vấn đề quan hệ quốc tế cơ bản cũng như về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
31	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những nội dung kiến thức, kỹ năng cơ bản, khái quát về quản trị báo chí - truyền thông như: Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong các cơ quan báo chí; Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong tổ chức; Kỹ năng quản trị các tiến trình truyền thông thông đối nội và đối ngoại; ... ở các bình diện khác nhau.
32	BC02803	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý giao tiếp, tâm lý học sáng tạo và tâm lý tiếp nhận các sản phẩm báo chí truyền thông.
33	BC02905	Truyền thông sáng tạo	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được vai trò, nguyên tắc và phương thức sáng tạo trong quá trình tổ chức, sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, đề xuất, thử nghiệm và thực hiện các dự án truyền thông sáng tạo, từ đó rèn luyện kỹ năng phát triển ý tưởng và tư duy sáng tạo, ứng dụng trong đời sống và nghề nghiệp truyền thông đa phương tiện.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
34	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.
35	BC02602	Mỹ thuật	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về mỹ thuật như: các khái niệm liên quan; nguyên lý cơ bản về nghệ thuật tạo hình; các nguyên tắc cơ bản về hình họa; các nguyên tắc cơ bản về trang trí; các nguyên tắc cơ bản về bố cục, đường nét, mảng khối và màu sắc; vận dụng kiến thức mỹ thuật trong sáng tạo tác phẩm/sản phẩm truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc trang bị để vận dụng trong quá trình học tập cũng như công tác chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.
36	BC02952	Thực tế chính trị - xã hội	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại thực địa.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
37	BC02701	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức tổng quan đa phương tiện, mối quan hệ giữa báo chí và đa phương tiện, làm thế nào để tích hợp các sản phẩm đa phương tiện vào báo chí. Trên cơ sở thực tiễn, sinh viên sẽ tìm hiểu một số kỹ thuật và sản phẩm đa phương tiện hiện đại và cách xây dựng một kênh đa phương tiện hiệu quả. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.
38	BC03101	Truyền thông hình ảnh	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản về vấn đề truyền thông hình ảnh gồm các khái niệm cơ bản; nhận diện các sản phẩm truyền thông hình ảnh; vai trò và đặc điểm của truyền thông hình ảnh; nguyên tắc tổ chức hình ảnh trên các sản phẩm truyền thông; phương pháp tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông; thực hành truyền thông ảnh trên các kênh.
39	BC02603	Thiết kế đồ họa	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức tổng quan về thiết kế đồ họa, các phần mềm ứng dụng trong sáng tạo sản phẩm đồ họa. Kết thúc học phần, sinh viên có thể tự sáng tạo các tác phẩm đồ họa phục vụ sản xuất các sản phẩm truyền thông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên thành thạo các kỹ năng cơ bản về Thiết kế đồ họa, phục vụ cho các hoạt động học tập cũng như hoạt động truyền thông sau khi tốt nghiệp.
40	PT02601	Sản xuất Podcast	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức về vai trò của audio trong môi trường truyền thông số, đặc điểm, xu hướng sử dụng audio, một số phần mềm biên tập âm thanh để sản xuất audio; thực hành kỹ năng sản

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				xuất audio, trang bị kỹ năng vận dụng kiến thức về audio tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
41	PT02602	Sản xuất Video	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về tư duy và cách quay, dựng hình ảnh để sản xuất được những sản phẩm video; Những kỹ năng trong sản xuất video từ viết các dạng kịch bản đến kỹ năng quay phim, dựng phim... Thông qua những kiến thức lý thuyết để đạt được hiệu quả thực hành: Sản xuất một videoclip theo chủ đề; vận dụng trong tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
42	BC02604	Viết cho truyền thông đa phương tiện	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông đa phương tiện; các yêu cầu và nguyên tắc viết cho sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ thực hành viết các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo các nhóm sản phẩm khác nhau. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
43	PT03135	Dẫn chương trình	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động dẫn chương trình: Hiểu được vị trí, vai trò, đặc trưng của hoạt động dẫn chương trình và của người dẫn chương trình; Nắm được kỹ năng cơ bản để dẫn chương trình nói chung và kỹ năng dẫn một số dạng chương trình cụ thể; Hiểu được các dạng sự cố và cách xử lý khi dẫn chương trình... Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan hoạt động truyền thông sau khi tốt

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				ngành học.
44	XB02610	Xuất bản điện tử	2	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức cơ bản về xuất bản điện tử (XBĐT); kỹ năng xác định đề tài, xây dựng nội dung và lập kế hoạch xuất bản xuất bản phẩm điện tử. Đồng thời, học phần hình thành cho sinh viên năng lực tư duy phân tích, tổng hợp và tinh thần hợp tác nhóm, định hướng công việc chuyên môn.
45	BC02115	Công chúng báo chí truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.
46	QT03529	Truyền thông và báo chí đối ngoại	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị hệ thống khái niệm, các kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống truyền thông quốc tế. Nắm được các đặc điểm về các chủ thể, kênh, công chúng... trong hoạt động truyền thông quốc tế. Tìm hiểu thực trạng truyền thông quốc tế ở một số quốc gia, một số tổ chức quốc tế... trên thế giới. Ngoài ra cung cấp các kiến thức về các sản phẩm báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay: công chúng, nội dung, quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
47	QQ02610	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức, kỹ năng và thực hành về xây dựng thương hiệu và hình ảnh cũng như các phương thức, kỹ thuật liên quan. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Xây dựng thương hiệu và hình ảnh sau khi tốt nghiệp ngành học.
48	BC02608	Video Âm nhạc (MV)	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những nội dung cơ bản, khái quát về video âm nhạc: sáng tạo và tổ chức sản xuất video âm nhạc. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm, video âm nhạc trên các bình diện khác nhau. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động quản lý, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học.
49	PT03702	Mega- story (Siêu phẩm số)	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm và vận dụng kiến thức về mega-story trong quản lý và ứng dụng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ngành học
50	BC03701	Animation (Hoạt hình)	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị nội dung cơ bản, khái quát về sản phẩm hoạt hình; những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm và vận dụng kiến thức về hoạt hình trong quản lý và ứng dụng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ngành học.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
51	PT03706	Phim ngắn	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về thể loại và quy trình sản xuất phim ngắn. Đồng thời sinh viên hiểu được quy trình sản xuất một tác phẩm phim ngắn và có kỹ năng phân tích phim cũng như hoàn thiện thực tế được một bộ phim với trọn vẹn các giai đoạn. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động quản lý, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học.
52	BC03918	Báo chí - truyền thông đa nền tảng	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị hiểu biết cơ bản và khái quát về Báo chí và truyền thông đa nền tảng, kỹ năng sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm Báo chí và truyền thông đa nền tảng.
53	BC02601	Thiết kế web và ứng dụng	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về thiết kế web và các vấn đề liên quan đến nội dung và quản trị nội dung trên nền tảng web. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc quản trị triển khai các ứng dụng trên nền tảng web. Sau khi học xong học phần này, sinh viên thành thạo các kỹ năng cơ bản về Thiết kế web và ứng dụng, phục vụ cho các hoạt động học tập cũng như tác nghiệp truyền thông sau khi tốt nghiệp.
54	BC04812	Báo chí và truyền thông dữ liệu	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị hiểu biết cơ bản và khái quát về báo chí và truyền thông dữ liệu, quy trình, nguyên tắc, kỹ năng sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí và truyền thông dữ liệu.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
55	BC02621	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện	5	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức, kỹ năng liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong giao tiếp, công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.
56	BC03753	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề kinh doanh, sản phẩm truyền thông, thị trường truyền thông, kinh doanh sản phẩm truyền thông; xu thế phát triển trên thế giới và tại Việt Nam. Đồng thời môn học cũng hệ thống, phân loại và chỉ rõ đặc điểm, những yêu cầu kỹ năng cần có đối với của kinh doanh sản phẩm truyền thông ở Việt Nam.
57	BC03804	Lao động nhà báo	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.
58	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những nội dung cơ bản, chuyên sâu về bản quyền và sở hữu trí tuệ. Vận dụng các kiến thức này trong hoạt động báo chí – truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan công việc truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
59	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị hệ thống cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về thị trường truyền thông; xu thế phát triển trên thế giới và tại Việt Nam. Đồng thời môn học cũng hệ thống, phân loại và chỉ rõ đặc điểm của thị trường truyền thông ở Việt Nam, những yêu cầu kỹ năng cần có đối với nhân lực tham gia vào hoạt động của thị trường này.
60	BC02620	Tổ chức và an toàn thông tin	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các nguy cơ với một hệ thống thông tin bao gồm về kỹ thuật và các vấn đề về quản lý, con người. Quy trình và các điểm chú ý khi xây dựng một chương trình bảo đảm an toàn bảo mật hệ thống thông tin, một số chính sách điển hình trong hệ thống thông tin. Một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến vấn đề đảm bảo an toàn thông tin trong lưu trữ và truyền thông tin trên mạng máy tính. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Tổ chức và an toàn thông tin sau khi tốt nghiệp ngành học.
61		Thực tế chính trị xã hội	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có được hiểu biết và có trải nghiệm những kiến thức, kỹ năng thực tế về chính trị xã hội ở Việt Nam. Sinh viên tìm hiểu tình hình thực tế tại các cơ quan, tổ chức chính trị xã hội phù hợp với ngành Truyền thông đa phương tiện.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
62	BC03643	Thực tập nghiệp vụ	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đa phương tiện trong chương trình đào tạo năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... (tổ chức hoạt động; quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông; các hoạt động ứng dụng truyền thông đa phương tiện); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và tổ chức sản xuất, ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...
63	BC03644	Thực tập tốt nghiệp	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đa phương tiện trong chương trình đào tạo năm học thứ tư. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...; thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người làm truyền thông. Đồng thời, qua đợt thực tập này, sinh viên sẽ xác định cụ thể hơn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; xây dựng và hiện thực hóa mối quan hệ với các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan truyền thông; xây dựng nền tảng để khởi nghiệp.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				cụ thể hơn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; xây dựng và hiện thực hóa mối quan hệ với các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan truyền thông; xây dựng nền tảng để khởi nghiệp.
64	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khoá luận tốt nghiệp	6	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được thực hiện một trong ba hình thức, đó là làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khoá luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng, thực hiện hoàn chỉnh, thành công sản phẩm tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp để đánh giá lại kiến thức, kỹ năng của mình trong 4 năm học.
65	BC03203	Tổ chức sản xuất sản phẩm đa phương tiện	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện: đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc biên tập sản phẩm đa phương tiện, sản phẩm truyền thông số. Sinh viên thực hành kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện cụ thể.
66	BC03705	Biên tập sản phẩm đa phương tiện	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện: đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc biên tập sản phẩm đa phương tiện, sản phẩm truyền thông số. Sinh viên thực hành kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện cụ thể.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Trần Văn Thư

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Trường Giang

